

Số: /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư và  
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình  
Trạm Y tế xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật: Đấu thầu năm 2013, Đầu tư công năm 2014, Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án Trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn một số công trình thuộc lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 1222/TTr-SYT ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Sở Y tế (kèm theo hồ sơ trình) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo kết quả thẩm định số 138/BC-SKHĐT ngày 08 tháng 5 năm 2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Trạm y tế xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei.
2. Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Kon Tum.
3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiến Nguyên.
4. Chủ nhiệm lập dự án: Ông Lê Tiến Dũng - Giám đốc Công ty.
5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư trạm y tế xã đạt theo tiêu chí nông thôn mới nhằm đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn xã; đồng thời tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng ngày một tốt hơn và giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên.
6. Nội dung đầu tư chủ yếu:
  - Nhà trạm và lưu bệnh nhân, diện tích 250m<sup>2</sup>.
  - Các hạng mục phụ trợ: Nhà phụ trợ diện tích 36,51m<sup>2</sup>; gara xe máy diện tích 46,48m<sup>2</sup>; hồ xử lý rác diện tích 4m<sup>2</sup>; vườn thuốc nam diện tích 61,95m<sup>2</sup>; giếng đào sâu khoảng 20m; cống rộng 9m, tường rào (rào song sắt dài 17,2m; rào gạch dài 168,23m); sân bê tông diện tích 704,4m<sup>2</sup>; cống qua đường L = 15m; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước hoàn chỉnh.
  - Trang thiết bị thông dụng và y tế (kèm theo thuyết minh Dự án).
7. Phương án thiết kế, giải pháp kỹ thuật chủ yếu:
  - a. Nhà trạm và lưu bệnh nhân:
    - Móng trụ, giằng móng, khung, sàn mái đổ bê tông cốt thép đá 10x20 mm M200. Móng tường xây đá chẻ vữa xi măng M75.

- Bê tông lót nền đá 40x60mm M75, nền lát gạch liên doanh 600x600mm. Nền bậc cấp, lan can ốp đá Granit màu sẫm dày 20mm. Nền khu vệ sinh lát gạch chống trượt 300x300mm.

- Tường xây gạch không nung 6lỗ VXM M75, trát tường VXM M75 dày 15mm. Bậc cấp, hộp kỹ thuật xây gạch không nung 2lỗ VXM M75. Toàn bộ tường trong nhà, khu vệ sinh ốp gạch Ceramic 300x600mm cao 2,1m. Tường ngoài nhà, phần tường còn lại trong nhà, trần bả matit, lăn sơn 3 nước. Toàn khu vệ sinh ốp gạch men trắng 300x600mm ốp cao 2,1m.

- Xà gồ thép [100x45x2. Mái lợp tole màu sóng vuông, dày 0,4mm.

- Toàn bộ cửa đi và cửa sổ làm bằng cửa nhựa lõi thép, kính trắng dày 5mm. Khung hoa, khung bảo vệ sắt hộp 12x12x1,2mm.

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước hoàn chỉnh.

b. Nhà phụ trợ:

- Giếng móng, dầm, sàn mái đổ BTCT đá 10x20mm M200.

- Móng tường xây đá chẻ VXM M75.

- Nền lát gạch Ceramic 600x600mm. Nền khu vệ sinh lát gạch chống trượt 300x300mm. Bê tông lót nền đá 40x60mm M50.

- Tường xây gạch không nung 6 lỗ VXM M75. Bậc cấp, trụ xây gạch không nung 2lỗ VXM M75. Trát tường bằng VXM M75, dày 15mm. Tường khu bếp, khu vệ sinh ốp gạch 300x600mm cao 2,1m. Tường ngoài nhà, phần tường còn lại trong nhà, bả matit, lăn sơn 3 nước. Trần thạch cao chống ẩm.

- Xà gồ thép [100x45x2. Mái lợp tole màu sóng vuông, dày 0,4mm.

- Toàn bộ cửa đi và cửa sổ làm bằng cửa nhựa lõi thép, kính 5mm. Khung hoa, khung bảo vệ sắt hộp 12x12x1,2mm. Cửa kho sắt kéo.

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước hoàn chỉnh.

c. Gara xe máy:

- Móng bê tông đá 10x20mm M200. Bê tông lót nền đá 40x60mm M50 dày 100mm, bê tông mặt đá 10x20mm M150 dày 70mm.

- Trụ thép tròn Ø90x3; kèo thép tròn Ø60x1,8.

- Xà gồ thép hộp 40x80x2mm. Mái lợp tole màu sóng vuông, dày 0,4mm.

d. Hồ xử lý rác: Tường xây gạch 2 lỗ VXM M75. Bê tông lót đáy, bê tông nền, trên có mái che lợp tole.

e. Vườn thuốc nam: Móng bó xây gạch không nung 2 lỗ VXM M75, trát VXM M75, quét nước xi măng. Lối đi bê tông đá 10x20mm M150.

f. Giếng đào: Lòng giếng bằng buy bê tông cốt thép đá 10x20mm M200. Thành giếng xây gạch 2 lỗ VXM M75, trát thành bằng VXM M75 dày 15mm.

g. Cổng, hàng rào:

- Cổng, tường rào song sắt: Cổng chính, song sắt bằng sắt các loại kết hợp. Móng xây đá chẻ VXM M75. Bê tông lót móng đá 40x60mm M50. Tường rào xây gạch không nung 6 lỗ VXM M75. Trụ, bảng tên, bồn hoa xây gạch không nung 2lỗ VXM M75. Trát tường bằng VXM M75, bả matit, lăn sơn 3 nước. Riêng bảng tên và trụ cổng chính ốp đá granite.

- Tường rào gạch: Móng xây đá chẻ VXM M75. Bê tông lót móng đá 40x60mm VXM M50. Tường rào xây gạch không nung 6 lỗ VXM M75. Trụ xây gạch không nung 2lỗ VXM M75. Trát tường, trụ bằng VXM M75, lăn sơn 3 nước.

h. Sân bê tông:

- Lót bê tông đá 40x60mm M50 dày 100, nền bê tông đá 10x20mm M150 dày 60mm, cắt roon chống nứt 3mx3m.

- Móng bó sân: Xây gạch không nung 2 lỗ VXM M75, trát VXM M75, quét nước xi măng.

8. Phương án thiết kế xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn, dự toán: Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 412/SXD-CCGD ngày 05 tháng 4 năm 2019.

9. Loại, cấp công trình: Công trình y tế; cấp III; Dự án nhóm C.

10. Tổng mức đầu tư:

<b>TT</b>	<b>Hạng mục chi phí</b>	<b>Giá trị (đồng)</b>
1	Chi phí xây dựng	3.221.879.000
2	Chi phí thiết bị	403.279.000
3	Chi phí quản lý dự án	118.978.000
4	Chi phí tư vấn xây dựng	309.486.000
5	Chi phí khác	243.722.000
6	Chi phí đền bù	600.000.000
7	Chi phí dự phòng	102.656.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn EU.

12. Địa điểm xây dựng: Xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei.

13. Hình thức đầu tư: Xây mới.

14. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 2.000 m<sup>2</sup>.

15. Hình thức quản lý dự án: Thuê quản lý thực hiện.

16. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2019 (theo quy định).

17. Phương thức tổ chức thực hiện: Theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình trên với các nội dung như Phụ lục Kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo Quyết định này.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện.**

1. Chủ đầu tư (*Sở Y tế*) có trách nhiệm thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản, về đấu thầu, quy định của Nhà tài trợ, các nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1, Điều 2 của Quyết định này và chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của công trình; thực hiện và giải ngân nguồn vốn trong niên độ kế hoạch vốn được giao.

2. Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về kết quả lập, thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình trên.

**Điều 4. Giám đốc:** Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện Tư Mơ Rông;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Tuấn**

## PHỤ LỤC - KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Công trình: Trạm y tế xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu tư vấn lập HSYC, đánh giá HSDX gói thầu xây dựng	8.643.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Quy trình rút gọn	Quý II, năm 2019	Trọn gói	45 ngày
2	Gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng	109.543.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Quy trình rút gọn	Quý II, năm 2019	Trọn gói	120 ngày
3	Gói thầu xây lắp công trình	3.334.645.000	(*)	Chào hàng cạnh tranh thông thường	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý II, năm 2019	Trọn gói	120 ngày
4	Gói thầu bảo hiểm công trình	3.668.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Quy trình rút gọn	Quý II, năm 2019	Trọn gói	120 ngày
5	Gói thầu thẩm định giá thiết bị	6.000.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Quy trình rút gọn	Quý II, năm 2019	Trọn gói	15 ngày
6	Gói thầu cung cấp thiết bị	403.279.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Quy trình rút gọn	Quý III, năm 2019	Trọn gói	30 ngày
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.865.778.000</b>						

Ghi chú: (\*) Nguồn vốn EU